Giảng Ký Địa Tạng — Quyển Thượng — Phần 4

Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký (HT Tịnh Không)

Ý nghĩa của Bát Nhã và trí huệ có khi giống nhau, nhưng hai chữ này gộp chung một chỗ thì ý nghĩa đương nhiên có sai khác. Bát Nhã như trong kinh Bát Nhã nói: "Thật Tướng Bát Nhã, Quán Chiếu Bát Nhã, Văn Tự Bát Nhã". Đại trí huệ ở phía trước chúng ta giải nghĩa là Huệ trong Giới - Định - Huệ; nhưng Định nhất định phải có Giới, "Định cộng Giới", người có Định sẽ chẳng phạm lỗi. Người có Huệ gọi là "Đạo cộng Giới", Trì giới ở trong đó còn cao minh hơn nữa. Do đó Huệ giống như ba tầng lầu, tầng thứ ba nhất định bao gồm hai tầng dưới, tầng dưới chẳng bao gồm tầng trên, Giới chẳng bao gồm Định, Định chẳng bao gồm Huệ; Định nhất định sẽ bao gồm Giới; Huệ nhất định sẽ bao gồm Giới và Định. Bát Nhã, ở đây chúng ta y theo cách nói của kinh Bát Nhã, Thật Tướng Bát Nhã là Thể. Thật tướng vô tướng, cũng tức là chẳng có Phân biệt trí, Thật trí, đối với hết thảy pháp rõ ràng, minh bạch nhưng trong đó chẳng có phân biệt. Phân biệt còn không có, thì đâu có chấp trước! Thế nên được gọi là Thật Tướng Bát Nhã. Thật tướng tức là chân tướng, người đó hiểu rõ chân tướng, chúng ta thường gọi là hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh rốt ráo triệt để, trí huệ này được gọi là "Thật Tướng Bát Nhã". Thật Tướng Bát Nhã khởi tác dụng gồm có hai loại: Một là "Tự thọ dụng", hai là "Tha thọ dụng". Tự thọ dụng là "Quán Chiếu Bát Nhã", dùng cách nói hiện nay tức là sống một đời sống có trí huệ cao tột, hoặc giống như những Pháp Thân đại sĩ đã chứng quả, các Ngài sống đời sống viên mãn trí huệ, tương ứng với quang minh vân. Phàm phu chúng ta có thể sống đời sống cao đẳng trí huệ, đó là rất hiếm có, như vậy bạn mới hiểu được Quán Chiếu. Tổng cương lĩnh của Quán Chiếu, trong kinh Kim Cang, Phật dạy: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng". Thế nên đối với hết thảy pháp tướng, họ có thể không phân biệt, không chấp trước, có thể tùy duyên mà không phan duyên, cái gì cũng được, cái gì cũng tự tại, mỗi ngày sinh hoạt thanh tịnh, khoái lạc vô

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 3 64

cùng! Tùy cảnh ngộ đều an lạc, phú quý có sự khoái lạc của phú quý, nghčo hčn có sự khoái lạc của nghčo hčn; phú quý, nghčo hčn lí sự tướng, khoái lạc đều bằng nhau, đều bình đẳng, đều sinh hoạt rất viên mãn, đều được khoái lạc. Đây là Quán Chiếu Bát Nhã, sự thọ dụng của chính mình. "Văn Tự Bát Nhã" tức là lợi tha, Tha thọ dụng, giúp đỡ người khác. Trong Văn Tự bao gồm diễn nói, nói cách khác Quán Chiếu bao gồm sự tướng, tức là làm ra hình dáng cho người ta coi, ngày nay chúng ta gọi là "thân giáo", Văn Tự Bát Nhã là "ngôn giáo". Do đó có thể biết Thật Tướng Bát Nhã là "ý giáo". Thân, ngữ, ý đều giáo hóa hết thảy chúng sanh, đều giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Trong Thật Tướng tuy nói là ý giáo, nhưng chẳng có niệm đầu của Ý; nếu có niệm đầu của Ý thì không phải là Thật Tướng Bát Nhã trí huệ. Bát Nhã là "tức tướng ly tướng, ly tức đồng thời" (chính ngay nơi tướng mà lìa tướng, cùng một lúc vừa là "lìa", vừa là "chính là"), như vậy mới có thể phá trừ hết thảy mê hoặc. Câu thứ năm:

Đại Tam Muội Quang Minh Vân. (Vầng mây sáng Đại Tam Muội.)

“Tam Muội” là Phạn ngữ, là dịch âm từ tiếng Ấn Độ, nghĩa là Chánh Thọ, hưởng thụ chánh thường (hưởng thụ một cách chánh đáng, đúng mực, hợp lý). Phật nói sự hưởng thụ của lục đạo chúng sanh chẳng chánh thường. Các thứ hưởng thụ được quy nạp thành năm loại lớn, thân có hai loại: Khổ thọ và Lạc thọ. Khổ thì vô lượng vô biên, Lạc cũng vô lượng vô biên, dùng hai loại này bao gồm hết cả. Tâm lý, chúng ta gọi là Tinh thần. Thân thể bằng xương thịt có hai loại “Khổ” và “Lạc” này. Tâm lý có hai loại: “Buồn” và “Vui”. Đó là bốn loại: Khổ và Lạc là tương đối, Buồn và Vui cũng tương đối. Sau cùng còn một loại lớn, thân chẳng có khổ và lạc, tâm lý chẳng có buồn và vui, như vậy rất tốt, trạng thái này gọi là Xả thọ, tổng cộng là năm loại này. Xả thọ rất tốt, nhưng thời gian rất ngắn, không kéo dài được, tạm thời thân xả bỏ khổ, lạc, tâm xả bỏ buồn, vui, chỉ là tạm thời. Nếu Xả Thọ này có thể duy trì mãi thì gọi là Tam Muội, tức là Chánh Thọ , thế nên Tam Muội cũng được dịch là Thiền định, chư Phật Như Lai vĩnh viễn trong Xả Thọ . Tây Phương gọi là Cực Lạc thế giới, chúng ta cứ dùng cách suy nghĩ sai lầm của chúng ta để hạn cuộc cái lạc của Tây Phương, cứ tưởng cái lạc này là lạc trong khổ - lạc, như vậy là sai rồi! Chẳng phải lạc trong khổ - lạc; khổ,

lạc hai bên đều xả bỏ hết, đó là chân lạc! Thế nên tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, năm thứ Thọ: Khổ, lạc, buồn, vui, xả này đều chẳng có, đó mới gọi là Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. “Đại Tam Muội” có thể phá hết thảy chướng ngại. Khoa học gia hiện đại biết thế gian này có rất nhiều chướng ngại, thí dụ họ phát hiện không gian ba chiều, chúng ta hiện nay đang sống trong không gian ba chiều này, họ biết có không gian bốn chiều, năm chiều. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói ông đã coi báo cáo khoa học, ông nói khoa học gia đã khẳng định tối thiểu có mười một chiều không gian tồn tại. Nếu y theo cách nói của Phật pháp thì không hẳn như vậy thôi đâu, chúng ta làm sao biết được? Chúng ta biết những không gian nhiều chiều khác nhau này hình thành như thế nào, chúng ta hiểu được đạo lý này. Phật nói những không gian này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra, chúng ta biết hết thảy chúng sanh có vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên thời gian, không gian sẽ có vô lượng vô biên chiều, đâu thể chỉ có mười một chiều, hai chục chiều thôi đâu! Đây là thật, chẳng phải giả. Cho dù trong không gian ba chiều, hoàn cảnh sinh sống hiện nay của chúng ta, trong đó vẫn còn rất nhiều chướng ngại. Nói ba chiều, bốn chiều là nói theo cách phân chia đại khái, cũng giống như cách nói mười pháp giới trong nhà Phật. Chúng ta gọi mỗi pháp giới là một chiều thì đó là mười chiều không gian, cộng thêm Nhất chân pháp giới thì là mười một chiều. Nhưng mỗi pháp giới lại có rất nhiều [pháp giới nhỏ ở trong ấy], đếm chẳng hết. Nếu bạn thực sự đạt được Tam Muội, an trú trong Tam Muội, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều dứt hết thì sẽ phá được tất cả giới hạn này. Công phu thiền Định cạn sâu chẳng đồng, Định cạn thì đột phá một tầng, hai tầng, Định sâu hơn thì có thể đột phá nhiều tầng hơn, chúng ta biết những tình hình này rất rõ ràng. Trong thế gian có một số người tu Định, có một cụ kể cho tôi nghe vào thời thế chiến thứ nhì vừa qua, trong thời gian chiến tranh ấy cụ ở Giang Tây, ở đó có một vị đạo sĩ, đạo sĩ này có thần thông, nói thật ra là có công phu định lực. Nhà cụ ở hơi thấp, đạo sĩ này kêu cụ dọn nhà và nói chỗ đó vài ngày nữa sẽ bị ngập nước. Đạo sĩ

cũng ở vùng gần đó, cụ bèn sai người dò xem đạo sĩ này có dọn hay không? Cụ thấy đạo sĩ dọn nhà nên cụ cũng dọn theo. Quả đúng như vậy, hoàn toàn phù hợp với thời gian đạo sĩ này đã nói. Một dấu hiệu báo trước gì cũng chẳng có, kết quả là núi lở, chỗ ấy bị ngập, từ đó cụ mới biết vị đạo sĩ này có thần thông. Sau đó không lâu vị đạo sĩ nói ông ấy nhìn thấy chỗ nào đó xảy ra

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 3 66

chiến tranh, nói ra phương hướng, đại khái là cách bao xa, ông đã nhìn thấy được. Cụ này là một người lính, là một quan lính cao cấp, cụ nói vị đạo sĩ này nói không đúng, cụ chẳng nghe tin này. Kết quả là ba tháng sau, người Nhật bất thình lình tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor, Hawaii), cùng với phương vị, tình huống, khoảng cách, ba tháng trước ông đã nhìn thấy rồi. Do đó có thể biết thời gian quá khứ, hiện tại, tương lai đều tồn tại đồng thời. Đó là công phu định lực nhỏ, chẳng phải đại định, có thể đột phá thời gian ba tháng, sự việc ba tháng sau ông có thể thấy. Ông ở một căn nhà nhỏ trong núi sâu, ông có thể nhìn thấy Hạ Uy Di, Trân Châu Cảng ở cách đó mấy ngàn dặm, đây là công phu định lực nhỏ thôi. Hiện nay ngoài thị thành có lưu thông "Thánh kinh mật mã"17, ông ta có thể nhìn thấy ba ngàn năm sau, công phu định lực của ông này còn sâu hơn vị đạo sĩ kể ở trên. Đạo sĩ này chỉ có thể nhìn thấy cảnh giới vài tháng, vài năm, vài ngàn dặm thôi. Tam Muội chẳng thể nghĩ bàn, có thể đột phá hết thảy chướng ngại. Như Lai đã đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên năng lực của Ngài viên mãn, tận hư không trọn khắp pháp giới chẳng có gì không biết, chẳng có gì không thể, chúng ta hiểu được đạo lý này; từ đó chúng ta mới tin tưởng lời Phật nói, lời Ngài nói là thật chẳng phải giả, Ngài đích thật có năng lực này. Ngài có năng lực này, chúng ta cũng có. Ngày nay chúng ta mất hết năng lực này là vì chúng ta không có Định, trong tâm mỗi ngày vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cả đống, thiệt thòi là ở chỗ này, chúng ta nhất định phải giác ngộ, phải hiểu rõ. Được rồi, hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 04 (Số 14-12-04)

Xin mở kinh. Hôm qua giảng đến đoạn Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, trong mười thứ quang minh vân này chúng ta giảng đến "Đại Tam Muội Quang Minh Vân" thứ năm. Bây giờ chúng ta bắt đầu từ quang minh vân thứ sáu:

Đại Cát Tường Quang Minh Vân. (Vầng mây sáng Đại Cát Tường.) 17 Thánh
Kinh mật mã là một giả thuyết chủ trương mỗi một chữ trong Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo nếu được sắp xếp theo một trình tự nào đó sẽ nói lên những sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 67

"Cát Tường" ở thời cổ Trung Quốc là một chữ thông dụng trong việc hỏi thăm, chúc tụng. Cát tường là gì? Cổ đức nói đây là một từ "nghĩa lợi", tức là chúng ta đáng được, đều có thể đạt được một cách viên mãn. Còn những gì không đáng được, nếu bạn muốn đạt được thì đó là tai họa, đó gọi là bất nghĩa. Chúng ta dùng tài vật để thí dụ, những đồ vật bất nghĩa trong Phật pháp là đồ trộm cắp, bạn chẳng nên có, bất luận là dùng thủ đoạn gì, nếu bạn đạt được thì tội lỗi rất nặng. Thế nên "Cát tường" là đáng được, bạn có

thể đạt được viên mãn, đây là nghĩa lợi, nghĩa tức là đáng được. Câu này nói rõ đây là "đức" đáng được. Trong Phật pháp, Đại Bồ Đề, Đại Niết Bàn là những gì chúng ta muốn đạt được, trí huệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh là những gì chúng ta muốn đạt được, cùng với trí huệ và công đức của quả địa chư Phật chẳng hai, chẳng khác, chúng ta hiểu được ý nghĩa này. Dù là chính mình, chúng ta lấy phàm phu để nói, tánh đức của chúng ta chẳng khai mở, trong thế gian này chẳng phải chỉ một đời này thôi, mà đời đời kiếp kiếp phước báo của chúng ta có thể nói đều là tu được (nhờ tu mới được), chẳng xứng tánh. Khi kiến tánh thì trong tự tánh của bạn có trí huệ, phước báo mới có thể hiện tiền, phước báo đó mới là chân thật, giống như nước suối tuôn trào, lấy hoài chẳng hết, dùng hoài chẳng cạn, đó là phước báo xứng tánh. Trước lúc kiến tánh thì phước đức này là do tu mà được, tu được thì sẽ dùng hết, ở đây chúng ta nêu một thí dụ cho mọi người dễ hiểu. Tánh đức ví như tài sản của bạn, có gia nghiệp, trong nhà có mỏ vàng, trong mỏ vàng trữ vô cùng phong phú, đời đời kiếp kiếp đều dùng chẳng hết. Nhưng hiện nay cái mỏ vàng này bị đá bít kín, chẳng thể sử dụng, một đồng cũng chẳng có, muốn có cơm ăn phải đi làm công, bạn kiếm chút ít tiền để sống qua ngày, trong nhà tuy có tài sản ức vạn nhưng bạn chẳng sử dụng được. Bát Nhã, trí huệ, công đức, của cải trong tự tánh chúng ta cũng giống như mỏ vàng này vậy, chưa được khai thác, cho nên hiện nay phải cực khổ đi làm chuyện vặt để kiếm chút tiền, phước báo này hưởng chẳng hết. Vả nữa, phải đi làm một cách đúng lý đúng pháp, nếu đầu cơ cầu may, làm chuyện phi pháp thì bạn sẽ phạm tội. Khi phạm tội thì những gì bạn đáng có nhưng không có được, lại còn bị pháp luật trừng phạt, đạo lý này cũng giống vậy. Thế nên chúng ta ở thế gian này phải hiểu rõ, những gì chúng ta chẳng đáng được thì nhất định không thể lấy. Chữ "đạo tặc" trong nhà Phật, ý của chữ đạo là không cho mà lấy, bất luận là dùng thủ đoạn gì, bạn chiếm được những tài vật chẳng hợp pháp là họa chứ chẳng phải là phước, nhất định phải hiểu điểm này. Cho dù

những của cải trong số mạng có sẵn chúng ta cũng phải giác ngộ, sự thọ dụng trong sinh hoạt đời này nói thật ra rất ít. Chúng ta đừng nghĩ đến cả đời, nghĩ đến cả đời thì dễ phạm nhiều lỗi lầm. Người chân chánh giác ngộ sẽ nghĩ như thế nào? Một ngày, sự thọ dụng của tôi ngày hôm nay, tuyệt đối không nghĩ về ngày mai, nghĩ về ngày mai thì bạn sẽ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì bạn sẽ sai lầm, chỉ tưởng ngày hôm nay, chẳng có ngày mai. Những gì cần dùng hôm nay còn dư lại đều bố thí cho người khác, có phước cùng hưởng với hết thảy chúng sanh. Nếu bạn hỏi ngày mai phải tính sao? Ngày mai sẽ có nhiều hơn. Tại sao lại càng nhiều hơn? Người này đang trồng phước, khi trồng phước thì phước báo sẽ vĩnh viễn tăng trưởng thêm, nó sẽ chẳng tiêu mất. Chúng ta thấy người thế gian, ở khắp nơi trên thế giới có thể thấy những người có tiền cắm cúi tích trữ, liều mạng để gia tăng của cải của mình, đối với sự nghiệp phước lợi của xã hội, nhìn thấy người nghèo khổ một cắc cũng không chịu cho. Nhưng trải qua vài năm thì họ xảy ra sai sót, nhà tan cửa nát, tài sản của họ đều tiêu hao mất hết. Hiện tượng này cổ kim trung ngoại đều có, chỉ cần lưu ý một chút thì thế gian hiện nay ngày càng rõ ràng. Tại sao không đem số còn dư đi tu phước? Đây chính là mê hoặc điên đảo. Chúng ta nói đến "Cát tường" nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Tánh đức thì

chúng ta tạm thời không bàn, trên tu đức biết mình tu như thế nào, làm sao tu mới được phước lợi to lớn, kinh này dạy cho chúng ta biết. Phía dưới thứ bảy là:

Đại Phước Đức Quang Minh Vân. (Vầng mây sáng Đại Phước Đức.)

Thêm vào ba chữ Quang Minh Vân đều là xứng tánh. Phước Đức là trợ đạo, trong Bồ Tát Hạnh từ Bố Thí đến Thiền Định đều thuộc về trợ đạo. Do trợ duyên của Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định mới thành tựu trí huệ vô lậu. Thí dụ không có năm thứ đầu, cho dù có trí huệ, trí huệ này là hữu lậu, trí huệ hữu lậu trong Phật pháp gọi là thế trí biện thông, chẳng phải trí huệ Bát Nhã. Tại sao đức Phật đặc biệt chú trọng tu phước? Lúc chúng ta thọ Tam Quy, "Quy y Phật, Nhị Túc Tôn", chữ Nhị ở đây là Phước và Huệ; Túc là viên mãn. Sau khi thành Phật, cả hai phước đức và trí huệ đều viên mãn, trong phước đức chẳng ai sánh bằng cho nên xưng là tôn quý nhất. Do đó có thể biết đức Phật tuyệt chẳng phản đối người ta tu phước, mà còn khuyến khích người ta

tu phước, tại sao vậy? Tu đạo là một công việc tương đối chẳng dễ dàng, nhân duyên chướng đạo rất nhiều, lúc bạn tu học chướng ngại cho việc chứng đạo rất nhiều; phước đức có thể bảo hộ chánh pháp, có thể chân chánh hộ trì bạn. Chúng ta nói thiên long quỷ thần hộ pháp đến để hộ cho pháp của bạn, họ dựa vào cái gì để hộ pháp của bạn? [Là vì] thấy bạn có phước, có đức, nếu bạn chẳng có phước đức, không tu phước đức, mỗi ngày khấu đầu chắp tay, người ta chẳng đếm xỉa đến bạn thì dựa vào gì để hộ pháp cho bạn! Nếu bạn chịu tu bố thí, người ta khâm phục bạn, tán thán bạn; bạn chịu trì giới, người ta tôn kính bạn. Cho nên chúng ta yêu cầu chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, chẳng phải mỗi ngày khấu đầu, mỗi ngày cầu họ, cấu kết với họ, nịnh hót họ, không thể được! Chỉ cần mình hết lòng y theo lời Phật dạy mà làm, chẳng cần phải cầu Ngài, chẳng cần để ý, tự nhiên sẽ được hộ trì. Tại sao vậy? Ngài tôn kính bạn, bạn nổi bật trong đại chúng, người ta tạo nghiệp, bạn tu phước, là đạo lý như vậy, chúng ta phải hiểu rõ. Trên hình thức thì chúng ta làm theo nghi thức, thật ra đây là làm cho đại chúng xem, dùng phương thức này khơi gợi đại chúng, làm cho những chúng sanh mê hoặc điên đảo này giác ngộ, hồi đầu, thế nên những nghi thức này nên làm trang nghiêm, long trọng, đạo lý là như vậy. Tuy xã hội đại chúng chẳng nhìn thấy, nhưng chúng ta làm nghi thức này trang nghiêm, long trọng thì quỷ thần nhìn thấy. Do đó có thể biết tất cả hình thức đều là để phổ độ hết thảy chúng sanh, đó chỉ là bên ngoài; có bề ngoài thì phải có nội dung bên trong, bên trong là chân tu. Nội tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác, biểu hiện ở bên ngoài là lục độ vạn hạnh, thành tựu phước báo chân thật rộng lớn. Phước báo có thể trừ chướng ngại, có thể giúp chúng ta khai trí huệ, ngạn ngữ thế gian thường nói: "Phước chí tâm linh", phước báo của người này đến thì họ vô cùng thông minh. Lúc bình thường coi họ ngu khờ, nhưng khi phước báo hiện tiền thì họ sẽ đột nhiên thông minh, lời này có đạo lý. Tu định là nguyên nhân chủ yếu để khai huệ, tu phước là trợ duyên, giúp đỡ bạn khai huệ, thế nên phải phước huệ song tu. Câu kế là:

Đại Công Đức Quang Minh Vân. (Vầng mây sáng Đại Công Đức.)

“Công đức” khác với phước đức. Chúng ta thường gọi phước đức là phước báo, phước báo có thể cùng hưởng với người khác, công đức

thì không thể. Công đức là gì? “Công” là sự tu học của bạn có công phu, khi tu học có công phu thì bạn nhất định có thâu hoạch; chữ “đức” này cùng nghĩa với chữ “được” (đắc), bạn nhất định có được thâu hoạch. Thí dụ trì giới có công, tu giới được rất tốt, có công; thiền định là đức, nhờ Giới được Định. Giữ Giới có tốt cách mấy nhưng không thể đắc Định, công phu cứ thiếu một chút. Giữ Giới được rất tốt, tại sao không được Định? Cổ đức nói rất hay, tự mình tu hành rất tốt, nói theo cách nói hiện nay: Rất đáng kiêu ngạo, như vậy là hỏng rồi! Bạn nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu rất hay, rất đáng kiêu ngạo; giảng kinh trên giảng đài, giảng rất hay, rất đáng tự hào, một khi vừa ngạo mạn thì hỏng rồi, công đức liền mất hết. Ngạo là gì? Phiền não, trì giới đến sau cùng phiền não hiện tiền. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư Huệ Năng dạy rất hay: “Nếu là người chân chánh tu đạo chẳng nhìn thấy lỗi người thế gian”, bạn trì giới phải trì đến lúc chẳng thấy lỗi người khác thì sẽ được Định, bạn trì giới sẽ biến thành công đức. Trì giới được Định là công đức; trì giới chẳng được Định là phước đức. Thế nên trì giới có hai loại, một là công đức, hai là phước đức. Nhờ trì giới mà được Định. Tu Định cũng vậy, tu Định có thể khai trí huệ thì Định này biến thành công đức, như vậy thì có công. Tu Định mà chẳng thể khai trí huệ, thì Định này là thiền định thế gian, tu được tốt cách mấy, Tứ Thiền Bát Định. Chư vị phải biết Tứ Thiền Bát Định đều chưa khai trí huệ, không xuất nổi Tam Giới, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Người tu hành rất dễ khởi Tăng Thượng Mạn, đó tức là như người hiện nay nói “đáng được kiêu ngạo”, người ta chẳng biết tôi, tôi cao hơn người ta một bậc. Chỉ cần có tâm niệm này thì công đức của bạn hoàn toàn mất hết. Đại công đức có thể diệt tội, có thể diệt ác, có thể sanh thiện, công đức có thể diệt ác, sanh thiện. Nếu tu học mà Ác còn tăng trưởng, Thiện chẳng thể sanh, vậy là hoàn toàn sai lầm, điều này chúng ta không thể không biết. Cương lãnh, nguyên tắc tu hành của nhà Phật chú trọng ở “tu quán”. Nhà Thiên Thai nói: “Tam Chỉ Tam Quán”, chúng ta niệm Phật cũng chẳng tách lìa nguyên tắc tu quán. Quán là gì? Quan niệm. Tu quán tức là sửa đổi những quan niệm sai lầm lúc trước của chúng ta trở lại, đó gọi là tu quán. Nói chung, tu học có ba giai đoạn, trong Tông Môn thường nói. Thứ nhất là “Quán Chiếu”, quán chiếu là gì? Thường thường nhắc nhở những quan niệm giác ngộ, thời thời khắc khắc nhắc nhở, đó là quán chiếu. Công phu quán chiếu đắc lực rồi, trong Tịnh Độ Tông chúng ta tức là “công phu thành phiến”, có công phu này nhất

định được sanh Tịnh Độ. Tại sao vậy? Niệm niệm có thể chẳng mê, niệm niệm đều đề khởi quán chiếu, trong Tịnh Độ Tông chúng ta tức là một câu Phật hiệu, khi tâm địa vừa động niệm, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, trong tâm khởi lên một tâm niệm. Tâm niệm chẳng ra ngoài thiện - ác, thuận theo ý tứ của mình thì khởi tâm tham,

chẳng hợp ý tứ mình thì khởi sân khuể, sẽ động tâm niệm này, khi chẳng nghịch chẳng thuận thì khởi niệm vô ký, như vậy đều chẳng tốt. Thế nên khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, tánh cảnh giác rất cao, ý niệm vừa khởi thì liền A Di Đà Phật, liền chuyển thành A Di Đà Phật lập tức, trong Tông Môn gọi đó là công phu quán chiếu. Cổ đức có nói: "Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm". Tâm niệm vừa khởi lên, không sao hết, phải cảnh giác cho nhanh, lập tức đề khởi Phật hiệu, thay đổi tâm niệm này, đây là công phu quán chiếu. Lúc công phu quán chiếu sâu thì tự nhiên vọng tưởng, tâm niệm sẽ chẳng khởi, công phu thật có thể khống chế, sẽ chẳng khởi nữa, đây tức là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, trong Tông Môn gọi là "Chiếu Trụ", là được Định, thiền định hiện tiền. Đến công phu thượng tầng là "Chiếu Kiến", chúng ta đọc Tâm Kinh: "Quán Tự Tại Bồ Tát chiếu kiến ngũ uẩn giai không", Chiếu Kiến, kiến là trí huệ khai mở, từ Định khai Huệ, trong Tịnh Tông chúng ta tức là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tức là chiếu kiến. "Chiếu kiến ngũ uẩn giai không", ngũ uẩn giai không tức là chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sinh, nhìn thấy hết thảy pháp trong vũ trụ, chân tướng là "vô sở hữu, bất khả đắc". Đức Phật nói hai câu này trong kinh Đại Bát Nhã lập đi lập lại mấy trăm lần, thế nên bạn xem sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã xong, không nhớ những thứ khác, đều quên hết nhưng ấn tượng [của sáu chữ này] rất sâu đậm! Chỉ cần bạn nhớ sáu chữ này thì bạn đã tìm được tinh tủy của sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã. Thế Tôn thuyết pháp đích thật có sự khéo léo (xảo diệu) của Ngài, sẽ làm cho bạn ghi nhớ những điểm chính yếu. Tại sao vô sở hữu, bất khả đắc? Kinh Kim Cang nói: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng". "Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng". Phẩm Thập Định trong kinh Hoa Nghiêm nói càng thấu triệt hơn, chân tướng sự thật là gì? Sát-na-tế, đây mới là chân tướng sự thật. Sát-na-tế tức là chẳng sanh chẳng diệt, nếu bạn thực sự thấu triệt, minh bạch, khế nhập cảnh giới này, thì xin chúc mừng bạn, bạn thật là tài giỏi. Tại sao vậy? Bạn chứng được quả vị Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn tức là hiểu rõ sát-na-tế, hết thảy pháp chẳng sanh chẳng diệt, sanh diệt đồng thời. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ngay nơi đó

hiện ra, cũng từ nơi đó diệt hết"18, tức là sát-na-tế, thế nên mới vô sở hữu, thế nên mới bất khả đắc, đây là chân tướng sự thật. Nếu bạn tưởng là có sở hữu, tưởng là có sở đắc thì đó là vọng tưởng. Chúng sanh trong thập pháp giới, đừng nói lục đạo, đều chẳng tách lìa vọng tưởng. Thế mới biết cửa ải vọng tưởng này rất khó phá, phá được cửa ải vọng tưởng này thì bạn sẽ vượt thoát thập pháp giới, bạn sẽ nhập vào Nhất Chân pháp giới. Thế nên công đức nhất định phải tu, phước đức cũng phải tu. Phước đức chú trọng trên sự tướng, công đức chú trọng trên tâm địa. Xem tiếp câu thứ chín:

Đại Quy Y Quang Minh Vân, Đại Tán Thán Quang Minh Vân. (Vầng mây sáng Đại Quy Y, vầng mây sáng Đại Tán Thán.)

Quy y nói ở đây tức là quay về tự tánh, đó gọi là "Đại Quy Y", Quy y Tam Bảo, nói thật ra nhà Phật nói quy y Tam Bảo, lý luận là y cứ trên câu này. Trong Tam Bảo, thứ nhất là Phật Bảo, Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Tự Tánh biến trọn khắp pháp giới, thế nên ở đây dùng "Quang Minh Vân" để hiển thị. Phàm phu mê mất Tự Tánh, chiêu cảm vô lượng

vô biên tai nạn. Chúng ta dùng một thí dụ để nói, viên mãn Tánh - Tướng, Tánh tuy chẳng có Tướng nhưng có thể hiện hết thảy Tướng, những Tướng được hiện là Tướng phần của Tự Tánh, Tánh - Tướng là một, nhất định chẳng phải hai. Chúng ta lấy Tự Tánh hiện Tướng ví như một thân thể, như vậy thì chư vị dễ hiểu; trong thân thể có một bộ phận giác ngộ, nhưng có một bộ phận mê hoặc. Bộ phận nào đang mê hoặc? Không nhất định. Một chỗ nào trên thân thể sanh ghẻ, có mủ, loét ra, sưng lên giống như một bộ phận chúng sanh đang mê hoặc. Cánh tay này sanh ghẻ, lở loét, còn cánh tay kia mau mau giúp đỡ, cánh tay kia là Phật, Bồ Tát, cánh tay này là chúng sanh, [cả hai] đều là một thể. Chúng sanh không biết tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là bệnh độc, một chỗ trên thân mình sanh ghẻ, lở loét, chính mình chịu khổ. Thế nên chúng sanh thọ khổ thì Phật thọ khổ; chúng sanh được vui thì Phật được vui; đều là một thể cả. A Di Đà Phật là ai? Tự tánh Di Đà. Tỳ Lô Giá Na là ai? Tự tánh Tỳ Lô Giá Na, chẳng phải ai khác, đều là chính mình. Ai biết được? Thế

18 Nguyên văn: Đương xứ xuất sanh, đương xứ diệt tận. Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 73

nên nói thật cho bạn biết, bạn sợ quá chừng, đều không tin, còn hủy báng Phật, còn tạo tội nghiệp nặng hơn. Thế nên có rất nhiều lời chân thật đức Phật chẳng nói, nói ra bạn sẽ sợ, bạn sẽ chẳng tin, không thể tiếp nhận. Nếu chúng ta quả nhiên tỉnh ngộ, hư không pháp giới đều là chính mình, lòng đại từ đại bi của bạn đối với bất cứ người nào, bất cứ chuyện gì, bất cứ vật gì đều thương mến, lòng thương ấy, lòng quan tâm chăm sóc ấy, lòng giúp đỡ ấy tự nhiên sẽ sanh lên, còn phân chia ta - người nữa sao! Bạn cung kính tôi, tán thán tôi, tôi thương mến bạn, giúp đỡ bạn; bạn hủy báng tôi, chà đạp tôi, sĩ nhục tôi, tôi vẫn thương mến bạn, vẫn giúp đỡ bạn. Tại sao vậy? Bạn mê, tôi chẳng mê. Người chẳng mê thì biết là một thể, người mê thì chia ra thành tôi, chia ra thành họ, cũng giống như trên thân thể bị bệnh, bị ghẻ vậy, những tế bào này mê hoặc điên đảo, chẳng thể điều hòa cùng với cả thân thể, chẳng hòa với mọi người; hòa thì khỏe mạnh, không hòa thì sẽ sanh bệnh. Chư Phật Như Lai tán thán đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trong Ngũ Trược Ác thế, dạy dỗ chúng sanh ương ngạnh, khó dạy, ý nghĩa của câu này vô cùng sâu rộng! Nhóm chúng sanh ương ngạnh, khó dạy này cũng giống như một bộ phận trên thân thể bị sưng mủ vậy, cùng với mọi người chẳng hòa, họ ở đây phân chia ta và người, chính họ đang chịu khổ chịu nạn, đọa địa ngục, biến thành ngạ quỷ, phải chịu những tội khổ này. Vốn là chẳng có, vốn là chẳng đáng có, họ nhất định phải tạo tác, nhất định phải thọ chịu, đâu có cách chi nữa! Chẳng có biện pháp. Những gì Phật có thể giúp đỡ là dạy dỗ, giảng dạy, nói rõ chân tướng sự thật, chúng ta tự mình phải giác ngộ, nhất định phải quay về, quay lại là bến bờ. Quy chính là quay về, Y chính là nương tựa, phải nương tựa tánh đức, ở đây dùng "Quang Minh Vân" để tượng trưng, trong kinh Hoa Nghiêm dùng "Đại Phương Quảng" để tượng trưng. Đại Phương Quảng trong kinh Hoa Nghiêm chính là Quang Minh Vân nói trong kinh này. Chư vị phải hiểu đoạn này, mười câu này, Quang Minh Vân này hàm nhiếp toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm hàm nhiếp toàn bộ Phật pháp. Vô lượng vô biên pháp môn do mười phương ba đời hết thảy tất cả chư Phật giảng đều bao hàm

trong mười thứ Quang Minh Vân này, một pháp cũng chẳng sót, chúng ta phải thể hội ý nghĩa này. Quy y Pháp, Pháp là Tự Tánh Chánh, Tự Tánh Chánh là gì? Tự tánh vốn có sẵn trí huệ Bát Nhã. Tự Tánh Giác là "Căn Bản Trí", Tự Tánh Chánh là "Hậu Đắc Trí", chúng ta gọi là "Quyền Trí". Khi xử sự, đãi người, tiếp vật chúng ta phải từ chỗ này cảm nhận, khế nhập, sau đó

thực hiện trong đời sống, công việc, trong khi xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta sẽ khế nhập cảnh giới Phật. Nhập cảnh giới Phật thì tự nhiên sẽ siêu việt thập pháp giới, lục đạo luân hồi thì khỏi nói vì đã siêu việt thập pháp giới rồi. Chúng ta khởi tâm động niệm, những gì mình làm, mình tạo cùng Pháp Thân đại sĩ chẳng hai chẳng khác, chúng ta tuy chưa chứng Pháp Thân nhưng cùng Pháp Thân đại sĩ thực sự giống nhau, đây chính là "đại tâm phàm phu" nói trong kinh Hoa Nghiêm. Đại tâm phàm phu niệm Phật vãng sanh, nói cho chư vị biết, nhất định sẽ sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm chúng ta đều có phần. Đại sư Thiện Đạo dạy rất hay, cổ đức trước thời đại sư Thiện Đạo thường nói bốn phẩm thượng: Thượng Thượng phẩm, Thượng Trung phẩm, Thượng Hạ phẩm, Trung Thượng phẩm, họ nói bốn phẩm thượng này đều là Bồ Tát vãng sanh, phàm phu không có phần. Đại sư Thiện Đạo là A Di Đà Phật tái lai, Ngài dạy chúng ta: "Chín phẩm vãng sanh đều ở tại duyên, gặp duyên chẳng giống nhau", lời này nói rất hay! Chúng ta là phàm phu, gặp duyên thù thắng thì chúng ta sẽ sanh phẩm Thượng Thượng, Bồ Tát nếu chẳng gặp duyên này thì họ vãng sanh có thể chỉ được phẩm Trung Hạ, là do gặp duyên chẳng đồng, chẳng phải do chuyện khác. Như vậy mới là pháp bình đẳng, phù hợp với giáo nghĩa của đề kinh: Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, thế nên chúng ta đọc kinh, nghiên giáo sẽ không uổng phí. Hiện nay thời gian của tôi hơi ít một chút, phải giảng bốn bộ kinh cùng lúc, ở đây ba bộ, tại Hương Cảng giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tôi nói tuy lạc thật (biến thành hiện thật) trong đời sống hiện tại, nhưng tôi coi những chú sớ của cổ đại đức, tôi coi rất hết lòng, tôi sẽ không nhất định nói theo họ, nhưng những gì tôi giảng nhất định khế hợp với ý tứ của họ. Nếu giảng theo chú sớ của người xưa, người hiện nay nghe không hiểu, chẳng thể tiếp nhận, cũng làm chẳng nổi. Chúng ta phải chân chánh hiểu nghĩa kinh, sách của người xưa có thể cung cấp cho chúng ta tham khảo, coi họ nói như thế nào. Sau đó coi hiện nay là thế giới như thế nào, chúng sanh hiện nay có căn cơ gì, bệnh của họ ở tại đâu? Họ cần những gì? Chúng ta có được sự khải thị của kinh điển, chú sớ của cổ đại đức, suy cũ ra mới, chúng ta giúp đỡ chúng sanh khổ nạn hiện nay. Ngày nay giải quyết vấn đề xã hội, giải quyết vô lượng vô biên tai nạn do người tạo ra cũng vậy, tai nạn tự nhiên cũng vậy, đều phải làm một sự chuyển biến to lớn từ trong tâm, đó là nhất định phải thương yêu người đời, mở rộng tâm thương yêu mình để thương yêu hết thảy chúng

sanh, được vậy thì hết thảy tai nạn đều tiêu trừ. Chỉ biết mình, chẳng biết người khác, thậm chí làm những chuyện tổn người lợi mình, đây là lời người thế gian nói, người mê hoặc điên đảo nói. Người chân chánh minh bạch nhìn thấy cái gì? Tổn hại người nhất

định sẽ chẳng lợi mình, chuyện tổn hại người sẽ tổn hại mình, chư vị phải biết như vậy. Cái gì mới thực sự là lợi mình? Lợi người mới thực sự là lợi mình, lợi ích xã hội mới thực sự lợi ích gia tộc của bạn. Người thế gian mê hoặc điên đảo chẳng biết đạo lý này, chẳng biết chân tướng sự thật, tại sao vậy? Vì cả xã hội, cả thế giới là những tế bào trong thân thể của mình, chỉ lo cho bộ phận này, không lo cho bộ phận kia thì bộ phận kia sẽ sanh bệnh. Bạn phải lo cho hết thảy, ăn uống, nơi chốn, cư trú, hấp thụ dinh dưỡng, mỗi bộ phận trong thân thể đều phải đạt đến. Cung cấp thức ăn không đồng đều thì sẽ sanh bệnh, có bộ phận hấp thụ dinh dưỡng rồi, còn bộ phận khác thiếu thì tứ đại sẽ chẳng điều hòa. Dùng thí dụ này để nói cả thế giới cũng vậy, chỉ lo cho quốc gia của mình, chẳng màng đến quốc gia khác, kết quả khi quốc gia khác bị nạn, chúng ta cũng chịu liên lụy. Hiện nay mọi người từ từ thấy được sự thật này, nhưng vẫn chưa biết quay về, chưa biết nguyên nhân căn bản ở chỗ nào! Thế nên Phật pháp trước tiên mở rộng tâm lượng của chúng ta, "tâm bao trùm hư không, lượng gồm thâu các cõi nhiều như cát", như vậy mới thực sự quy y Chánh; tự tánh vốn sẵn có chánh tri chánh kiến, y cứ cho hết thảy xử sự, đãi người, tiếp vật trong đời sống. Thứ ba là Quy Y Tăng, Tăng có nghĩa là Tịnh. Nói theo cách hiện nay là xã đoàn, đoàn thể. Phật pháp xưng bốn người là "chúng", dùng cách nói hiện nay tức là một đoàn thể nhỏ. Bốn người trở lên cùng chung sinh hoạt, làm việc, thì đây là một đoàn thể nhỏ. Người trong đoàn thể này đều tu Lục Hòa Kính thì được gọi là Tăng Đoàn, gọi là Tăng Chúng. Ai cũng tu Lục Hòa Kính, ai cũng có tâm địa thanh tịnh viên mãn, đây là Tăng Đoàn đáng được người tôn kính trong hết thảy đoàn thể ở cõi trời, cõi người. Tại sao vậy? Họ hòa hợp, hòa mục, người Trung Quốc thời xưa cũng nói "Hòa vi quý". Luận Ngữ nói: "Lễ chi dụng, hòa vi quý", Hòa là tôn quý nhất, "Chúng trung tôn", tôn nghĩa là đáng được người ta tôn kính, là một đoàn thể rất tôn quý. Đoàn thể này càng lớn, số người càng nhiều, ý kiến bất hòa thì chẳng là Tăng Đoàn, chẳng là đoàn thể được mọi người tôn kính. Ý kiến từ đâu tới? Ý kiến đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chư vị nghĩ thử coi đúng không? Chẳng phải chân thật, trong tự tánh vốn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ý nghĩa của mười câu này rất sâu, bắt đầu bằng "Đại Viên Mãn",

kết thúc bằng "Đại Tán Thán", đúng là viên mãn đến cùng cực. Tám câu ở giữa thì "Từ Bi" là chỗ chúng ta phát tâm nương tựa, "Trí Huệ" là chỗ y chiếu cho chúng ta tu hành, "Bát Nhã" phá hết thảy mê hoặc điên đảo, "Tam Muội" trừ hết thảy chướng ngại, "Cát Tường" là đức đáng được, "Phước Đức" là đức trợ đạo, "Công Đức" là diệt ác sanh thiện, "Tam Bảo" là chỗ quy y chân thật, đây là đại cương của tánh đức viên mãn, sau cùng tổng kết bằng "Tán Thán". Ai tán thán? Những người đối với Sự Lý này chẳng hiểu, chẳng rõ ràng, thì làm sao tán thán nổi! Có năng lực tán thán, có tư cách tán thán là chư Phật Như Lai, các Ngài hiểu rõ triệt để, thế nên chư Phật Như Lai tán thán thành tựu của bạn, tán thán bạn đã thực sự quay về. Ở đây chúng ta nhất định phải biết chúng sanh và Phật vốn chẳng hai, thế nên chư Phật Như Lai lễ kính chúng sanh, chỉ có chúng sanh coi thường Phật, Bồ Tát, chẳng kính trọng. Hủy báng Phật, Bồ Tát, chẳng tin Phật, Bồ Tát, vu khống Phật, Bồ Tát, [nhưng] Phật, Bồ Tát tuyệt chẳng vì vậy mà xa lìa chúng sanh, sẽ vĩnh viễn ở nơi đó quan hoài, vĩnh viễn thương mến. Phật chẳng xa lìa

chúng sanh, chúng sanh quay lưng xa lìa Phật, Bồ Tát, đây là chân tướng sự thật. Ngày nay chúng ta học Phật, phải học Phật, Bồ Tát, phải học cách dụng tâm, học cách hành trì của Phật, Bồ Tát, chẳng thể học theo chúng sanh, nếu học chúng sanh thì chúng ta cũng sẽ luân hồi lục đạo, đã luân hồi vô lượng kiếp rồi, khổ chẳng thể tả, vẫn còn muốn tiếp tục nữa sao? Trước kia chẳng gặp kinh Đại Thừa là chướng nạn, chẳng có duyên để giác ngộ, chẳng có duyên để quay về. Ngày nay gặp được, đích thật là nhân duyên hiếm hoi từ vô lượng kiếp. Đã gặp rồi thì phải quý tiếc, phải từ đó quay về, chẳng tiếp tục tạo nghiệp luân hồi nữa, buông xuống hết thảy thân tâm thế giới, y giáo phụng hành, thật thà niệm Phật, như vậy mới tốt. Đoạn phía dưới:

Phóng như thị đẳng bất khả thuyết quang minh vân dĩ. (Phóng ra những vầng mây sáng chẳng thể nghĩ bàn như vậy xong.)

Câu này là tổng kết. Đoạn trước Thế Tôn phóng quang, hiển thị Lý Thể sở chứng của mình, tức là hiển thị tánh đức viên mãn; Phật có, chúng sanh cũng có. Phóng quang hiện tướng lành, nói thật ra chỉ có Pháp Thân đại sĩ mới hiểu rõ, vừa nhìn thấy pháp luân viên mãn do Thế Tôn, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai nói xong, liền tức khắc

tiếp nhận viên mãn, [chuyện này chỉ có] Pháp Thân đại sĩ mới làm được! Thập pháp giới chúng sanh nhìn thấy, cảm thấy hy hữu, hoan hỷ tán thán, nhưng chẳng biết ất giáp gì cả, chẳng biết rốt cuộc là có ý nghĩa gì? Họ đều chẳng hiểu, vậy thì phải làm sao? Ngài thuyết pháp, không nói thì chúng ta làm sao hiểu! Thế nên:

Hựu xuất chủng chủng vi diệu chi âm. (Lại phát ra những âm thanh vi diệu.)

Do đó có thể biết phóng quang hiện tướng lành độ người thượng thượng căn, phát âm thanh vi diệu là để độ người trung hạ căn. Người trung hạ căn nhìn thấy hào quang chẳng hiểu được hàm ý trong đó, nhất định phải yêu cầu đức Phật thuyết pháp. Chỗ này nói: “Phát ra những âm thanh vi diệu”, chư vị phải ghi nhớ, đây là nói với chúng sanh trong thế giới Sa Bà, thế giới chúng ta đúng như lời của Văn Thù Bồ Tát: “Chân giáo thể của chỗ đó, thanh tịnh ở tại âm thanh và lắng nghe”19. Trong hội kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn để Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn pháp Viên Thông cho chúng ta, tức là tuyển chọn pháp môn nào thích hợp nhất cho căn tánh của chúng sanh ở thế gian này. Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn “Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương”, nói rõ chúng sanh thế giới Sa Bà nhĩ căn (căn tai) lanh lợi nhất. Bạn cho họ coi, đọc kinh, bạn cho họ coi kinh chẳng dễ khai ngộ, bạn kêu họ nghe kinh thì dễ khai ngộ hơn, công đức của nhĩ căn mạnh hơn nhãn căn. Thế nhưng căn tánh của chúng sanh ở khắp nơi trong mười phương thế giới chẳng giống nhau, giống trong kinh nói người nước Hương Tích thì nhĩ căn chẳng tốt, bạn để họ coi, họ chẳng khai ngộ, nghe thì họ cũng chẳng hiểu; mời họ ăn cơm, vừa ăn thì họ liền khai ngộ, chuyện này tuyệt diệu, thế nên họ dùng cơm thơm tho (hương phạn) để làm Phật sự. Tại sao vậy? Thiệt căn (căn nếm mùi vị) lanh lợi. Thế nên hết thảy chúng sanh, căn tánh nào lanh lợi chẳng nhất định. Nếu Thế

Tôn giảng kinh Địa Tạng ở nước Hương Tích, đoạn sau này nhất định sẽ "lại dùng các thứ cơm vi diệu thơm tho", phải vậy chăng? Chính là sự việc như vậy. Sẽ chẳng "phát ra những âm thanh vi diệu", đây là chuyên dùng để nói với chúng ta ở thế gian này, thế nên chỗ này phải hiểu, Phật thuyết pháp nhất định phải khế lý, khế cơ. Phía trước phóng Quang Minh Vân là khế lý,

19 Nguyên văn: Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn. Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 78

chỗ này là nói khế cơ, đều đáng để chúng ta dụng tâm học tập. Phật phóng quang, chúng ta cũng phải phóng quang, chúng ta chẳng thể rõ ràng như Phật, chúng ta phải phóng quang như thế nào? Tâm địa của bạn có từ bi chân thật thì tự nhiên sẽ hiển lộ tướng từ bi quang, người ta vừa nhìn thấy bạn [liền cảm thấy] người này rất từ bi; tâm địa rất thanh tịnh thì [họ cảm thấy] người này rất thanh tịnh, đó là phóng quang. Trong tâm bạn thực sự chứa đựng những gì trong kinh nói thì tự nhiên sẽ từ mặt, từ thân thể bạn phóng quang, không những phóng quang mà còn phát hương thơm nữa, "hương quang trang nghiêm". Hương vị của phàm phu rất khó ngửi, tâm địa của người tu hành thanh tịnh quang minh, hương vị trên thân của họ rất thơm, chúng ta rất ít thấy. Trước kia tôi ở Hương Cảng nghe các bạn đồng tu nói, nghe nói lão hòa thượng Hư Vân một năm tắm một lần, cạo đầu một lần. Y phục mùa đông hay mùa hè cũng chỉ có một bộ, hờm (ghét) trên cổ áo đóng rất dày nhưng lại có mùi thơm, chẳng khó ngửi, đây là lời một số đồng tu ở Hương Cảng nói với tôi. Đó là mùi hương gì? Chúng ta thường gọi là Ngũ Phần Giới Hương, Ngũ Phần Pháp Thân Hương là: Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Chúng ta xét từ điểm này thì ý tứ liền rất viên mãn, chân thành, thanh tịnh, từ bi. Có thể thấy tánh đức tỏ lộ, chẳng có chỗ nào chẳng đến, không những thân phóng quang, toát hương thơm, ngay cả hoàn cảnh chỗ Ngài cư trú cũng toát hương thơm, hiện nay một số người chúng ta gọi là từ trường chẳng đồng. Hoàn cảnh chỗ Ngài cư trú khi chúng ta đi vào sẽ cảm thấy rất thư thái, cảm thấy rất tự tại, đó là vì hoàn cảnh chỗ Ngài cư trú có quang minh, tuy mắt thịt chúng ta chẳng thấy được làn sóng quang minh của Ngài nhưng chúng ta có thể cảm nhận được. Đoạn này là nói về âm thanh thuyết pháp. Xin coi kinh văn:

Sở vị Đàn Ba La Mật âm, Thi Ba La Mật âm, Sằn Đề Ba La Mật âm, Tỳ Ly Da Ba La Mật âm, Thiền Ba La Mật âm, Bát Nhã Ba La Mật âm.20

Đàn là Đàn-na, dịch âm tiếng Phạn (Dana), nghĩa là Bố thí. 20

Thi hay Thi La, dịch âm tiếng Phạn (Sila), nghĩa là Giới. Sằn Đề dịch âm tiếng Phạn (Ksanti); nghĩa là Nhẫn nhục. Tỳ Ly Da dịch âm tiếng Phạn (Virya), nghĩa là Tinh tấn Thiền hay Thiền Na, dịch âm tiếng Phạn (Dhyana), nghĩa là tư duy, tịnh lự Bát Nhã, dịch âm tiếng Phạn (Prajna), nghĩa là trí huệ. Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 79

(Như là tiếng Đàn Ba La Mật,
tiếng Thi Ba La Mật, tiếng Sằn Đề Ba La Mật, tiếng Tỳ Ly Da Ba La Mật, tiếng Thiền Ba La Mật, tiếng Bát Nhã Ba La Mật.)

Chúng ta nói trước sáu câu này, sáu câu này nói về Lục Độ. Thứ nhất "Đàn Na" là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Bố Thí. Chư Phật, Bồ Tát, nói thật ra tức là Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Họ khẳng định tận hư không, trọn khắp pháp giới đều là chính mình. Họ nhất định chẳng cho rằng thân này là mình, tận hư không trọn khắp pháp giới mới là chính mình, thế nên họ chứng được vô lượng thọ. Hư không pháp giới chẳng diệt, thân này của chúng ta có sanh diệt, ví giống như cái gì? Tế bào trong thân chúng ta, tế bào có lớp mới thay lớp cũ, có sanh diệt. Nhưng thân này phải trụ mấy mươi năm, thời gian của tế bào rất ngắn. Y Học hiện đại nói thân thể người ta cứ bảy năm là một chu kỳ, hết thảy tế bào có một lần thay đổi. Thế nên trước bảy năm những tế bào cũ đã mất đi, những tế bào hiện nay đều là mới hết, vĩnh viễn lớp mới thay lớp cũ. Tre già măng mọc, tại sao chúng ta chẳng đổi một cái mới, đổi cái tốt, mới hoàn toàn? Thí dụ một cái máy, linh kiện (bộ phận) trong máy hư rồi, tìm một linh kiện tương tợ như cái này rồi gắn vào thì cũng có thể dùng được, đó là đồ cũ chẳng phải mới. Tại sao không lựa một linh kiện mới hoàn toàn gắn vô, thế thì thân thể này của bạn vĩnh viễn khỏe mạnh, sống lâu, người một trăm tuổi còn giống như người trẻ tuổi vậy, tại sao? Bạn thay tế bào này bằng tế bào mới, thanh tịnh, chẳng ô nhiễm. Nhưng khi chúng ta thay đổi đều đổi tế bào ô nhiễm. Ô nhiễm như thế nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn đã ô nhiễm, những gì đổi được đều chẳng tốt đẹp! Bạn xem con nít cũng vậy, con nít bảy tuổi, mười tuổi, đã đổi hai chu kỳ rồi, tại sao vẫn còn tốt như vậy? Vọng tưởng ít, vọng niệm ít. Nếu nói một câu khó nghe thì tâm niệm hại người, hại mình ít, thế nên những tế bào họ đổi vẫn còn mới. Tuổi càng lớn thì tâm niệm hại người hại mình càng nhiều, càng mạnh, càng đổi thì càng tệ, là đạo lý như vậy. Chúng ta nhìn xem thế giới của Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng vậy, tại sao thể chất của người ta vĩnh viễn không thay đổi?

Ba La Mật là dịch âm tiếng Phạn (Paramita), nghĩa là Đến Bờ Kia (Đáo Bỉ Ngạn), viên mãn Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 80

Hình như ngưng tụ tại nơi ấy, trên thực tế có phải là ngưng tụ không? Không phải, hay là đời đời chẳng trụ. Tức là trong sự thay cũ đổi mới của họ hoàn toàn chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nghĩa là linh kiện mới vừa đổi này là hoàn toàn mới, vĩnh viễn sẽ mới hoài. Trong máy này thay mười lần, thay hai mươi lần đều là thay đồ mới, là đạo lý như vậy. Sự thiệt thòi của chúng ta ở tại đâu? Tự mình hại mình, tự tư tự lợi, chuyện này chẳng phải là tự lợi mà là tự tư tự hại, danh từ dùng sai rồi, đâu có chuyện tự lợi? Là tự hại. Lợi tha mới là tự lợi, ai biết việc lợi tha? Phật, Bồ Tát biết lợi tha, người giác ngộ biết lợi tha. Người mê hoặc điên đảo chỉ biết tự lợi, tự lợi là tự hại, chẳng phải là tự lợi. Nói đến lợi không đúng. Chẳng nói gì khác, chỉ nói về tình trạng sức khỏe thì bạn sẽ hiểu, tự mình hại chính mình. Tại sao tế bào thay cũ đổi mới này chẳng thể đổi thành mới hoàn toàn, chẳng thể đổi thành khỏe mạnh? Phải biết tham, sân, si, mạn là độc tố bệnh hoạn nặng nhất, trong tâm của bạn có tham, sân, si, mạn thì đổi tế bào đều là tế bào bị bệnh, đều mang độc tố bệnh hoạn nghiêm trọng, bạn không có lợi gì hết! Dù con nít cũng có tâm tham, sân, si, mạn, nhưng rất yếu ớt, chẳng mạnh, những độc tố trong các tế bào thay đổi của nó rất ít, người lớn tuổi mang theo độc tố bệnh hoạn rất nhiều. Nếu chúng ta chẳng thâm nhập kinh tạng, chẳng hiểu đạo lý Đại Thừa, chúng ta

làm sao biết nổi những chân tướng sự thật này! Khoa học gia tìm tòi đến ngày nay vẫn chưa phát hiện ra, cũng chẳng tìm hiểu. Thế nên vừa mở đầu thì dùng Sáu Ba La Mật để trước mặt, hết thảy chư Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, dạy chúng sanh tu hành chứng quả đều chẳng ra ngoài sáu cương lãnh này. Bố Thí gồm có "Bố Thí tài vật, bố thí pháp, bố thí vô úy", khi Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh thì cả ba thứ bố thí này đều trọn đủ. Giảng kinh thuyết pháp có "bố thí tài vật", tài vật gì? Nội tài, nội tài là trí huệ, thể lực, đây là bố thí nội tài. Những gì nói ra là quan niệm và phương pháp, đây là "pháp bố thí". Chúng sanh được pháp này, hiểu rõ pháp này, có thể lìa khỏi hết thảy âu lo, buồn rầu, khổ não, biết được con đường thoát ly luân hồi, đây là "vô úy bố thí". Chư Phật, Bồ Tát làm ba thứ bố thí này. Bản thân các Ngài trì giới, Trì giới tức là đúng như pháp, đời sống của Ngài có quy củ, Ngài thuyết pháp có lý luận, có thứ tự, chẳng có gì không đúng như pháp, như pháp chính là trì giới. Nhẫn nhục là có tâm nhẫn nại, sanh nhẫn, pháp nhẫn, hết thảy chúng sanh chống lại, Phật, Bồ Tát có thể nhẫn, chẳng nề hà, chẳng giữ trong tâm. Ngày nay chúng ta nói những tai biến tự nhiên này cũng có

thể nhẫn. Tu học Phật pháp cần phải có thời gian rất dài, phần cuối kinh Hoa Nghiêm có đoạn Thiện Tài đồng tử năm mươi ba lần tham vấn, tham học cũng rất cực nhọc, chẳng có một việc gì không thể nhẫn. Nói cách khác, Ngài có tâm nhẫn nại rất lớn nên Ngài có thành tựu to lớn. Thành tựu lớn nhỏ, nói thật ra là hoàn toàn tỷ lệ thuận theo tâm nhẫn nại, bạn có tâm nhẫn nại bao lớn thì bạn sẽ có thành tựu lớn bấy nhiêu, nếu bạn chẳng có tâm nhẫn nại thì thành tựu của bạn sẽ chẳng thể tiến triển thêm. Thế nên Nhẫn nhục xong thì mới có Tinh tấn. "Tỳ Ly Da" là tinh tấn. Tấn là tiến bộ, tinh là tinh thuần; tinh hoàn toàn là nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ngày càng ít, đây là "Tinh". Trí huệ, đức năng ngày càng sáng tỏ, càng nhiều, đây là tiến bộ. Thiền định là trong tâm có chủ tể, chẳng bị lay động bởi hết thảy. Hiện nay đồng tu học Phật, chúng ta được Phật pháp thực sự chẳng dễ, pháp môn vô thượng hy hữu, đắc lực ở chỗ Tổ Tổ truyền thừa, chúng ta gặp được thiện tri thức mới biết được, mới hiểu được. Chẳng gặp chân thiện tri thức thì pháp môn này bày trước mặt bạn, bạn chẳng biết quý, gặp rồi mà bỏ lỡ, bạn nói như vậy đáng tiếc biết bao. Trong hết thảy pháp môn, pháp môn Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, có bao nhiêu người biết được? Bao nhiêu người có thể hiểu rõ triệt để? Chỉ có hiểu rõ thực sự thì mới có thể sanh khởi lòng tin, cứu độ chúng sanh thời Mạt Pháp. Thời Mạt Pháp còn chín ngàn năm, phương pháp gì có thể độ những chúng sanh khổ nạn này? Chỉ có pháp môn Niệm Phật, pháp môn Niệm Phật y cứ vào kinh thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ được dịch tổng cộng mười hai lần tại Trung Quốc, có mười hai bản dịch gốc. Lúc Thế Tôn còn tại thế đã giảng nhiều lần nên nguyên văn có rất nhiều bản khác nhau. Chúng ta phải coi hết những bản kinh này mới có thể nhận thức Tây Phương Cực Lạc thế giới rõ ràng, mới có thể kiên định tín nguyện, việc này rất quan trọng! Nhưng muốn gộp chung những bản dịch gốc này lại để xem thì thời đại hiện nay chẳng dễ, huống gì là thời xưa! Thế nên việc hội tập rất cần thiết. Người hội tập lần đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, là một vị tại gia, bản hội tập của Ngài được ghi vào Đại Tạng Kinh.

Chư vị phải biết những tác giả, tác phẩm có thể ghi vào Đại Tạng đều được sự thừa nhận của bốn chúng đệ tử trong Phật môn, khẳng định chẳng có sai lầm mới được ghi vào Đại Tạng. Chẳng phải những trứ tác thông thường đều có thể ghi vào Đại Tạng Kinh, phải được sự tiến cử của cao tăng đại đức đương thời, gởi cho nhà vua coi, hoàng đế phê chuẩn xong mới có thể ghi vào

Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 82

Tạng kinh, chứng minh trứ tác này chẳng có sai lầm. Tổ Liên Trì của Tịnh Độ Tông chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao, những đoạn trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ có hai phần ba là dùng bản Đại A Di Đà Kinh của cư sĩ Long Thư, tức là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, như vậy là đại sư Liên Trì thừa nhận và khẳng định. Bồ Tát Long Thư tự mình đích thật niệm Phật đứng mà vãng sanh, nếu Ngài hội tập chẳng đúng, tạo tội lỗi thì Ngài làm sao có thể đứng vãng sanh? Việc này nói rõ công đức của Ngài vô lượng vô biên. Nhưng bản hội tập của cư sĩ Long Thư chỉ bao gồm bốn bản dịch gốc. Hội Kinh Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích đời Đường, cư sĩ Long Thư chẳng xem qua nên bản hội tập của Ngài cũng chưa viên mãn. Nhiều người trong các đời sau chú ý đến vấn đề này, Bành Tế Thanh đầu đời Thanh đã làm một bản tiết hiệu21, chẳng phải hội tập. Năm Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Nguyên hội tập thành một bản nhưng những chỗ lấy - bỏ đều chẳng thích hợp, đại sư Ấn Quang có lời phê bình bản này. Thế nên đến những năm đầu Dân Quốc, cư sĩ Hạ Liên Cư phải làm một bản hội tập viên mãn nhất. Hạ lão cư sĩ là người tái lai, chẳng phải người thường. Có người nói với tôi từ bức ảnh của Ngài nhìn thấy thân thể Ngài trong suốt, [việc này] nói cho tôi biết Ngài chẳng phải người thường, là người tái lai, là Phật, Bồ Tát tái lai, đến để cứu độ chúng sanh thời Mạt Pháp. Tương lai kinh điển Tịnh Tông đến thời Phật pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ còn được lưu lại trên thế gian một trăm năm. Những đại đức đương thời như lão pháp sư Huệ Minh, lão pháp sư Từ Châu bên Luật Tông, lão cư sĩ Mai Quang Hy đều khẳng định tương lai bản kinh cuối cùng được lưu truyền một trăm năm chính là bản hội tập này. Bản này là bản hội tập những bản in gốc của kinh Vô Lượng Thọ hợp thành, nếu chư vị không tin thì có thể lấy năm bản dịch gốc ra đối chiếu, đừng hủy báng nữa, đừng kỳ thị nữa, tạo nên tội nghiệp vô lượng vô biên. Nếu bạn nói lão cư sĩ Hạ Liên Cư là một cư sĩ, cư sĩ chẳng có khả năng để hội tập, thế thì bạn hãy xuất gia, bạn hãy hội tập xem. Vương Long Thư là cư sĩ, Ngụy Mặc Thâm cũng là cư sĩ, những công tác hội tập từ đời Tống đến Dân Quốc đều do cư sĩ tại gia làm, đại sư Liên Trì là Tổ sư, là người xuất gia, đã khẳng định, thừa nhận. [Những lời hủy báng bản hội tập này] đều là thiên kiến của cá nhân, thật rất đáng tiếc!

21 Tiết hiệu là phân chia thành chương mục, hiệu đính. Bản tiết hiệu này dựa trên bản dịch đời Tào Ngụy của ngài Khang Tăng Khải, lược bớt những chỗ phiền phức, lại căn cứ theo bản của ngài Vân Thê, thêm vào số thứ tự trước sau của bốn mươi tám nguyện, đặt tên là Vô Lượng Thọ Kinh. Phẩm Thứ Nhất: Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi - Tập 4 83

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.